

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày 31 - 10- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp;

Bà Nguyễn Ngọc Linh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Thế Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2019/TLST- HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 10 năm 1986, tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội và chỗ ở: Khố S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự số 50/2005/HSST ngày 19/7/2005 Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về Tội gây rối trật tự công cộng, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/6/2019 đến nay; có mặt.

2. Lê Hữu P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28 tháng 8 năm 1985, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đội ***, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Đ và bà Diệp Thị A; vợ: Tòng Thị Hoài P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự số 105/2006/HSST ngày 12/7/2006 Tòa án nhân

dân tỉnh Điện Biên xử phạt 14 năm tù giam về Tội cố ý gây thương tích và bản án số 1298/2006/HSPT ngày 27/11/2006 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội giảm hình phạt tù cho bị cáo từ 14 năm tù giam xuống 12 năm tù giam về Tội cố ý gây thương tích; tại Quyết định số 35/QĐ-XPHC ngày 25/4/2017 Công an thành phố Điện Biên Phủ xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 28/6/2019 đến nay; có mặt.

3. Phí Ngọc N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 9 năm 1985, tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khôi S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Ngọc S (đã chết) và bà Đặng Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 28/6/2019 đến nay; có mặt.

4. Cà Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 4 năm 1984, tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn B và bà Cà Thị N; vợ: Cà Thị T; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2019 đến nay; có mặt.

5. Cà Văn C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1995, tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn B và bà Cà Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/6/2019 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T:* Bà Lương Thị Kim M - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn C:* Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị hại:* Ông Ngụy Xuân L1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn trong một vụ án khác; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Ngụy Khánh L2, sinh năm 1999; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Ngụy Xuân L1 trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã nhiều lần mua bán ma túy với nhau. Ngày 11/6/2019, Nguyễn Văn D giao cho Cà Văn T và Cà Văn C vận chuyển 20 bánh ma túy Heroine từ Hà Nội đến xã T, huyện V bán cho Ngụy Xuân L1 với giá 215.000.000 đồng/01 bánh, Nguyễn Văn D và Ngụy Xuân L1 thỏa thuận sau khi Ngụy Xuân L1 bán ma túy xong mới trả tiền cho Nguyễn Văn D như những chuyến trước đó. Tổng số tiền Ngụy Xuân L1 phải trả cho Nguyễn Văn D là 4.300.000.000 đồng.

Đến ngày 14/6/2019, Ngụy Xuân L1 gọi điện cho Nguyễn Văn D thông báo là khi Ngụy Xuân L1 mang 20 bánh Heroine sang Trung Quốc bán thì bị một nhóm đối tượng chặn đường cướp mất 20 bánh Heroine đó, nên Ngụy Xuân L1 không có tiền trả cho Nguyễn Văn D. Nhận thông tin của Ngụy Xuân L1, Nguyễn Văn D gọi điện bảo Cà Văn T và Cà Văn C đến nhà Ngụy Xuân L1 kiểm tra xem có đúng là Ngụy Xuân L1 bị cướp mất ma túy không, sáng 15/6/2019 Cà Văn T và Cà Văn C đến gặp Nguyễn Văn D ở Hà Nội. Nguyễn Văn D đưa cho Cà Văn T 5.000.000 đồng để chi phí đi lại, sau đó Cà Văn T và Cà Văn C đi xe ô tô khách đến huyện V rồi đi xe ôm đến nhà Ngụy Xuân L1. Gặp nhau Cà Văn T hỏi Ngụy Xuân L1 về 20 bánh Heroine, Ngụy Xuân L1 nói 20 bánh Heroine đó đã bị cướp mất, khi đó Cà Văn T gọi điện cho Nguyễn Văn D và đưa điện thoại cho Ngụy Xuân L1 nói chuyện với Nguyễn Văn D, Ngụy Xuân L1 vẫn nói với Nguyễn Văn D là ma túy đã bị cướp mất hết nên Ngụy Xuân L1 không có tiền trả cho Nguyễn Văn D, nói chuyện với Nguyễn Văn D xong Ngụy Xuân L1 bảo Cà Văn T và Cà Văn C đi về. Nghe Ngụy Xuân L1 trình bày việc bị cướp mất ma túy nhưng Nguyễn Văn D không tin nên gọi điện bảo Cà Văn T và Cà Văn C ở lại nhà Ngụy Xuân L1 để giám sát Ngụy Xuân L1, chờ sáng hôm sau Nguyễn Văn D đưa người đến gặp Ngụy Xuân L1 đòi nợ, nên Cà Văn T và Cà Văn C ở lại nhà Ngụy Xuân L1 để giám sát Ngụy Xuân L1. Tối 15/6/2019 Nguyễn Văn D gọi cho bạn là Lê Hữu P và một người quen tên là M, Nguyễn Văn D bảo Lê Hữu P và M gọi thêm người đến hôm sau đi cùng Nguyễn Văn D lên Lạng Sơn đòi nợ, Nguyễn Văn D sẽ chia phần trăm từ số tiền đòi được cho những người tham gia đòi nợ, Lê Hữu P và M đồng ý. Sau đó Lê Hữu P rủ thêm bạn là Phí Ngọc N cùng đi đòi nợ cho Nguyễn Văn D, Phí Ngọc N đồng ý. Sáng ngày 16/6/2019 Nguyễn Văn D lái chiếc xe ô tô Innova biển số 51G – 14*. ** đi đón Lê Hữu P, Phí Ngọc N và đón M cùng hai thanh niên do M gọi đi cùng. Sau đó Nguyễn Văn D lái xe chở cả nhóm lên Lạng Sơn, trên đường đi Nguyễn Văn D nói cho cả nhóm biết người nợ Nguyễn Văn D 4.300.000.000 đồng tiền hàng là ông Ngụy Xuân L1 nhà ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Văn D nói: *“đến nhà ông L1 đòi nợ nếu ông L1 không trả thì bắt ông L1 đưa đi và đe dọa bắt ông L1 trả nợ”*. Khoảng 10 giờ cả nhóm đi đến xã T, huyện V, Nguyễn Văn D dừng xe cách nhà Ngụy Xuân L1

khoảng mấy km rồi gọi điện thoại báo Cà Văn T ra đón, khi đó Cà Văn T đưa cho Cà Văn C 01 chiếc điện thoại và bảo Cà Văn C ở lại giám sát Ngụy Xuân L1 nếu Ngụy Xuân L1 đi khỏi nhà thì Cà Văn C gọi điện báo cho Cà Văn T biết rồi Cà Văn T lấy xe máy của gia đình Ngụy Xuân L1 đi ra gặp Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn D bảo Phí Ngọc N, Lê Hữu P và M cùng Cà Văn T vào nhà Ngụy Xuân L1 đòi tiền, nếu Ngụy Xuân L1 không trả thì bắt Ngụy Xuân L1 đưa ra gặp Nguyễn Văn D còn Nguyễn Văn D và 02 nam thanh niên ở trên xe ô tô chờ bên ngoài. Cà Văn T và Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M đi xe máy đến nhà Ngụy Xuân L1, khi đến gần nhà Ngụy Xuân L1 do đường xấu Cà Văn T bảo Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M đi xe máy đến nhà Ngụy Xuân L1 trước, để Cà Văn T đi bộ theo sau, khi đó Cà Văn T gọi điện báo Cà Văn C ra đường đón Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M vào nhà Ngụy Xuân L1, mấy phút sau Cà Văn T đến nhà Ngụy Xuân L1. Đến nhà Ngụy Xuân L1 Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M vào trong nhà ngồi cùng Ngụy Xuân L1 ở bàn uống nước trong phòng khách, khi đó Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M đòi Ngụy Xuân L1 trả tiền cho Nguyễn Văn D. Ngụy Xuân L1 nói đã bị cướp mất ma túy nên không có tiền trả. Thấy Ngụy Xuân L1 không trả tiền, Phí Ngọc N kéo Ngụy Xuân L1 đứng dậy và bắt ép Ngụy Xuân L1 đi theo, ra đến ngoài sân, Ngụy Xuân L1 không chịu đi thì Lê Hữu P nhặt lấy 01 con dao quắm ở sân rồi dao giơ lên dọa chém Ngụy Xuân L1, khi đó Ngụy Xuân L1 bảo con gái là Ngụy Khánh L2 gọi điện báo cho Đoàn biên phòng Na Hình đến giải cứu Ngụy Xuân L1, Ngụy Khánh L2 lấy điện thoại ra nhưng chưa kịp gọi thì M giật lấy điện thoại của Ngụy Khánh L2 và cầm đi theo luôn. Do bị các đối tượng Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M, Cà Văn T, Cà Văn C khống chế và đe dọa bắt đi, Ngụy Xuân L1 buộc phải đi cùng các đối tượng đi theo đường liên thôn khoảng 02 km đến thôn P, xã T, huyện V thì gặp xe ô tô của Nguyễn Văn D đỗ chờ, các đối tượng bắt ép Ngụy Xuân L1 lên ô tô ngồi ở hàng ghế thứ 2, Phí Ngọc N, Lê Hữu P, Cà Văn T ngồi ở hàng ghế thứ 2 để khống chế Ngụy Xuân L1, Nguyễn Văn D lái xe, M ngồi ghế phụ, Cà Văn C và 2 nam thanh niên ngồi ở hàng ghế cuối xe. Bắt được Ngụy Xuân L1, Nguyễn Văn D lái xe ô tô chở Ngụy Xuân L1 và cả nhóm đi về phía thành phố L; đi đến thị trấn Đ, Nguyễn Văn D cho Cà Văn T, Cà Văn C và 2 nam thanh niên xuống xe để đi xe khác đi về, xong Nguyễn Văn D tiếp tục lái xe chở Ngụy Xuân L1 cùng Phí Ngọc N, Lê Hữu P, M đi lòng vòng quanh thành phố L. Từ khi bắt Ngụy Xuân L1 lên xe ô tô đưa đi, các đối tượng liên tục khống chế và đe dọa Ngụy Xuân L1 là “nếu không trả 4,3 tỷ đồng cho Nguyễn Văn D các đối tượng sẽ đưa Ngụy Xuân L1 về Hà Nội chặt tay Ngụy Xuân L1, sẽ giết vợ con Ngụy Xuân L1”. Phí Ngọc N tát hai phát vào mặt Ngụy Xuân L1, Lê Hữu P dùng sống con dao quắm đập một phát vào bàn tay Ngụy Xuân L1 gây xước da. Đồng thời Phí Ngọc N, Lê Hữu P, Nguyễn Văn D bắt Ngụy Xuân L1 gọi điện về cho vợ thu xếp tiền trả nợ, Ngụy Xuân L1 gọi điện về báo vợ là Hoàng Thị H đi sang nhà người quen bên Trung Quốc vay mấy chục vạn nhân dân tệ để trả nợ thì Ngụy Xuân L1 mới được về, Hoàng Thị H nghe điện nhưng không đi vay tiền. Chờ đến tối không thấy người nhà Ngụy Xuân L1 mang tiền đến trả, các đối tượng gọi điện cho vợ Ngụy Xuân L1 nhưng không ai nghe máy. Lúc đó Ngụy Xuân L1 bảo với các đối tượng cho Ngụy Xuân L1 về để Ngụy Xuân L1 thu xếp tiền trả cho Nguyễn Văn D, Ngụy Xuân

L1 hứa trong 02 ngày sẽ trả cho Nguyễn Văn D 02 tỷ đồng, số tiền còn lại Nguyễn Xuân L1 sẽ trả sau. Được Nguyễn Xuân L1 hứa hẹn trả tiền, đến khoảng 20 giờ cùng ngày Nguyễn Văn D, Phí Ngọc N, Lê Hữu P và M chở Nguyễn Xuân L1 đến xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thả Nguyễn Xuân L1 xuống xe để Nguyễn Xuân L1 tự đi về nhà, khi đó M đưa trả chiếc điện thoại của Nguyễn Khánh L2 cho Nguyễn Xuân L1 cầm về. Sau khi cho Nguyễn Xuân L1 về, không thấy Nguyễn Xuân L1 trả tiền như đã hứa, ngày 25/6/2019 Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C tiếp tục đi đến xã T nhằm mục đích đến nhà Nguyễn Xuân L1 đòi tiền, nhưng chưa kịp đến nhà Nguyễn Xuân L1 thì bị Công an huyện Văn Lãng phối hợp với Đoàn biên phòng Na Hình phát hiện, bắt giữ.

Vật chứng của vụ án bao gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model màu đen lắp 01 sim điện thoại Viettel, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh lắp 01 sim điện thoại Viettel, 01 đồng hồ nhãn hiệu SEIKO màu bạc, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phí Ngọc N, 01 con dao quắm màu đen có lưỡi dao liền cán dài 30cm, lưỡi dao dài 20cm, lưỡi dao sắc, mũi dao cong hình lưỡi liềm, được tra thêm cán bằng gỗ dài 10cm; 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Ngọc N và 36.245.000 đồng.

Cáo trạng số: 80/CT- VKS- HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C về Tội bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 và chuyển thẩm quyền vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng: Giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C; sau khi đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, xem xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C phạm Tội bắt, giữ người trái pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn D; xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Hữu P; xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 09 tháng tù giam.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C; xử phạt bị cáo Phí Ngọc N từ 07 tháng đến 08 tháng tù giam; xử phạt các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn C mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

Về phần bồi thường dân sự: Bị hại Nguyễn Xuân L1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị trả lại cho bị cáo Lê Hữu P 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng hồng không liên quan đến hành vi phạm tội; trả lại cho bị cáo Phí Ngọc N 31.245.000 đồng, 01 đồng hồ nhãn hiệu SEIKO màu bạc, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phí Ngọc N, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Ngọc N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model màu đen lắp 01 sim điện thoại Viettel không liên quan đến hành vi phạm tội; tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng của bị cáo Lê Hữu P, bị cáo đã dùng vào việc phạm tội; tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh lắp 01 sim điện thoại Viettel của bị cáo Phí Ngọc N bị cáo đã dùng vào việc phạm tội; trả lại cho bị hại Nguyễn Xuân L1 01 con dao quắm màu đen có lưỡi dao liền cán dài 30cm, lưỡi dao dài 20cm, lưỡi dao sắc, mũi dao cong hình lưỡi liềm, được tra thêm cán bằng gỗ dài 10cm, con dao này bị cáo Lê Hữu P đã lấy của bị hại sử dụng trái phép.

Còn đối với các vật chứng khác không chuyển theo vụ án như: Áo khoác, túi sách, bơm kim tiêm, ô tô Innova BKS 51C – 14*.**, giấy biên nhận... xác định liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn D, Cà Văn T, Cà Văn C trong vụ án khác không chuyển theo vụ án này. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 6 tháng đến 08 tháng tù giam.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Bản luận cứ bào chữa, nội dung trong Bản luận cứ bào chữa người bào chữa có ý kiến: Bị cáo trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định

của pháp luật Tổ tụng hình sự, các văn bản tổ tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để kết luận: Ngày 16/6/2019, tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, xuất phát từ việc bị hại Nguyễn Xuân L1 nợ tiền mua bán ma túy với bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Nguyễn Văn D đã thuê, chỉ đạo các bị cáo Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T và Cà Văn C đến nhà bị hại Nguyễn Xuân L1 cùng nhau thực hiện hành vi bắt, giữ và đưa bị hại Nguyễn Xuân L1 lên ô tô rồi đi đến thành phố L; trong quá trình bắt, giữ bị hại Nguyễn Xuân L1 và đưa đi thì các bị cáo Phí Ngọc N, Lê Hữu P, Nguyễn Văn D và đối tượng tên M có hành vi khống chế, uy hiếp, đe dọa và dùng vũ lực đối với bị hại Nguyễn Xuân L1 với mục đích để bị hại Nguyễn Xuân L1 phải trả tiền cho bị cáo Nguyễn Văn D. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm Tội bắt, giữ người trái pháp luật, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể tự do cá nhân của con người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều nhận thức được về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì đòi tiền mua bán ma túy, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Khi lượng hình cần có một mức án thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra nhằm giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm tương tự xảy ra trên địa bàn, phục vụ tình hình chính trị tại địa phương đồng thời cần xem xét vai trò đồng phạm, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án các bị cáo cùng tham gia hành vi bắt, giữ người trái pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn D là người chủ mưu, khởi xướng, thuê các bị cáo khác bắt, giữ bị hại Nguyễn Xuân L1, là người lái ô tô chở các bị cáo khác và bị hại Nguyễn Xuân L1 đưa đi xuống thành phố L; bị cáo Lê Hữu P là người tích cực thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại Nguyễn Xuân L1, bị cáo dùng dao quắm đe dọa, khống chế và dùng dao đập một phát vào tay bị hại Nguyễn Xuân L1; bị cáo Phí Ngọc N là người tích cực thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại Nguyễn Xuân L1, bị cáo đã tát bị hại Nguyễn Xuân L1 02 phát; bị cáo Cà Văn T và bị cáo Cà Văn C là những người có vai trò hỗ trợ, giám sát bị hại

không cho bị hại bỏ trốn thực hiện theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn D và cùng tham gia bắt, giữ bị hại Ngụy Xuân L1.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Lê Hữu P có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn D đã bị kết án về Tội gây rối trật tự công cộng đã được xóa án tích, cụ thể: Bị cáo bị xử phạt 30 tháng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tại bản án số 50/2005/HSST ngày 19/7/2005 Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; bị cáo Lê Hữu P đã bị kết án về Tội cố ý gây thương tích đã được xóa án tích, cụ thể: Bị cáo bị xử phạt 14 năm tù giam, tại bản án số 105/2006/HSST ngày 12/7/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và bản án số 1298/2006/HSPT ngày 27/11/2006 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội giảm hình phạt tù cho bị cáo từ 14 năm tù giam xuống 12 năm tù giam và bị xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo tính đến nay được coi là chưa vi phạm hành chính, tại Quyết định số 35/QĐ-XPHC ngày 25/4/2017 Công an thành phố Điện Biên Phủ. Các bị cáo Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C có nhân thân tốt, đều chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần xử tù giam đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào hình phạt, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành những người có ích cho xã hội.

[10] Đối với đối tượng tên là M và 02 đối tượng nam thanh niên đi cùng M trong vụ án bắt, giữ bị hại Ngụy Xuân L1. Bị cáo Nguyễn Văn D khai không biết địa chỉ của M chỉ biết M trọ ở khu vực H, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn D không nhớ số điện thoại của M và cũng không quen biết 02 nam thanh niên đi cùng M. Nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh điều tra về M và 02 nam thanh niên đi cùng M để xử lý.

[11] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn D, Cà Văn T, Cà Văn C và bị hại Ngụy Xuân L1 đã được Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tách xử lý bằng một vụ án khác.

[12] Về phần bồi thường dân sự: Bị hại Ngụy Xuân L1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng

hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng hồng thu giữ của bị cáo Lê Hữu P. Đây là tiền, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Lê Hữu P.

[14] Đối với số tiền 31.245.000 đồng, 01 đồng hồ nhãn hiệu SEIKO màu bạc, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phí Ngọc N, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Ngọc N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model màu đen lắp 01 sim điện thoại Viettel thu giữ của bị cáo Phí Ngọc N. Đây là tiền, tài sản, giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Phí Ngọc N.

[15] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng thu giữ của bị cáo Lê Hữu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh lắp 01 sim điện thoại Viettel thu giữ của bị cáo Phí Ngọc N. Đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách nhà nước.

[16] Đối với 01 con dao quắm màu đen có lưỡi dao liền cán dài 30cm, lưỡi dao dài 20cm, lưỡi dao sắc, mũi dao cong hình lưỡi liềm, được tra thêm cán bằng gỗ dài 10cm. Đây là tài sản của bị hại Ngụy Xuân L1 mà bị cáo Lê Hữu P lấy sử dụng trái phép. Trả lại cho bị hại Ngụy Xuân L1.

[17] Còn đối với các vật chứng khác không chuyển theo vụ án như: Áo khoác, túi sách, bơm kim tiêm, xe ô tô Innova BKS 51C – 14*.*, giấy biên nhận... Cơ quan điều tra xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn D, Cà Văn T, Cà Văn C trong vụ án khác và đang trong quá trình điều tra.

[18] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị kết án. Do đó, các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

[19] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C và ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn C. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[20] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Hữu P.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phí Ngọc N.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn C.

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C phạm Tội bắt, giữ người trái pháp luật.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giam 26/6/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu P 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/6/2019.

Xử phạt bị cáo Phí Ngọc N 07 (bảy) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/6/2019.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/6/2019.

Xử phạt bị cáo Cà Văn C 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29/6/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Trả lại cho bị cáo Lê Hữu P 5.000.000 (năm triệu) đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng hồng.

3.2. Trả lại bị cáo Phí Ngọc N 31.245.000 (ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn) đồng, 01 đồng hồ nhãn hiệu SEIKO màu bạc, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phí Ngọc N, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Ngọc N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model màu đen lắp 01 sim điện thoại Viettel.

3.3. Tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng của bị cáo Lê Hữu P.

3.4. Tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh lấp 01 sim điện thoại Viettel của bị cáo Phí Ngọc N.

3.5. Trả lại cho bị hại Nguyễn Xuân L1 01 con dao quắm màu đen có lưỡi dao liền cán dài 30cm, lưỡi dao dài 20cm, lưỡi dao sắc, mũi dao cong hình lưỡi liềm, được tra thêm cán bằng gỗ dài 10cm.

(Vật chứng và tiền trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Hữu P, Phí Ngọc N, Cà Văn T, Cà Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/10/2019)./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (5b);
- VKSND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Bị hại, các Luật sư (3b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- Cơ quan ĐTCA huyện Văn Lãng (1b);
- Cơ quan THAHSCA huyện Văn Lãng (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Huyện Văn Lãng (1b);
- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Lãng (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Hà